

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày 28 tháng 4 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Moong Văn Bình.

Ông Dền Chá Xìa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lầu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Và Nỗ D**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/8/1949 tại xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: bản M2, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Và Súa Đ (đã chết) và bà Vừ Y L (đã chết); vợ đầu là Vừ Y M (đã ly hôn), vợ thứ hai là Cự Y S; có 10 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam từ ngày 25/12/2019 đến ngày 03/01/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Lý Bá V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: bản T, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Vừ Bá V - Cán bộ Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 11 năm 2019, Và Nỗ D đi đến xã MD, huyện KS để tìm mua thuốc súng đi săn. Và Nỗ D đã gặp một người đàn ông không quen biết và mua của người này 4 kg Kalinitrat và 0,94 kg lưu huỳnh với số tiền 500.000 đồng. Sau khi mua được

Và Nỗ D mang về nhà cất giấu. Đầu tháng 12 năm 2019, Và Nỗ D tiếp tục đi đến xã MD, huyện KS để tìm mua thuốc súng, tại đây Và Nỗ D đã gặp một người đàn ông không quen biết và mua của người này 2 kg thuốc súng với số tiền 1.000.000 đồng, sau khi mua được Và Nỗ D đưa về nhà cất giấu.

Khoảng 8 giờ, ngày 25/12/2019, khi Và Nỗ D đang ở nhà thì có một thanh niên không quen biết đến hỏi mua thuốc súng, người thanh niên hỏi giá bao nhiêu tiền 1 kg thì Và Nỗ D trả lời 600.000 đồng và người thanh niên đồng ý mua. Và Nỗ D vào buồng ngủ lấy thuốc súng bán cho người thanh niên thì bị tổ công tác Công an huyện Kỳ Sơn phát hiện, bắt quả tang, trong lúc bắt giữ, người thanh niên mua thuốc nổ lợi dụng sơ hở đã bỏ trốn. Tang vật thu được 01 bao potylen màu trắng, bên trong chứa chất màu đen (nghĩ là thuốc nổ) và 01 chiếc cân tay bằng sắt. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kỳ Sơn tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Và Nỗ D, phát hiện thu giữ 01 bao potylen màu trắng bên trong chứa chất màu vàng (nghĩ là lưu huỳnh), 01 bao potylen màu đỏ, bên trong chứa các tinh thể màu trắng (nghĩ là tiền chất thuốc nổ).

Ngày 26/12/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tiến hành mở niêm phong, cân khối lượng vật chứng thu giữ của Và Nỗ D và lấy mẫu giám định, đã xác định: Số chất màu đen đựng trong bao potylen màu trắng có khối lượng 2 kg, đã lấy 20 gam làm mẫu vật gửi đi giám định (ký hiệu M₁); số chất màu vàng đựng trong bao potylen màu trắng có khối lượng 0.94 kg, đã lấy 20 gam làm mẫu vật gửi đi giám định (ký hiệu M₂), số hạt tinh thể màu trắng đựng trong bao potylen màu đỏ có khối lượng 4 kg, đã lấy 50 gam làm mẫu vật gửi đi giám định (ký hiệu M₃).

Tại kết luận giám định số 7866/C09-P2 ngày 30/12/2019 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Mẫu vật ký hiệu M₁ gửi đến giám định là thuốc nổ đen, thuộc nhóm vật liệu nổ; mẫu vật ký hiệu M₂ gửi đến giám định là lưu huỳnh (S), thường dùng trong sản xuất thuốc nổ, thuốc pháo; mẫu vật ký hiệu M₃ gửi đến giám định là Kalinitrat (KN03), thường dùng để sản xuất thuốc nổ đen.

Cáo trạng số 48/CT-VKS-P1 ngày 11/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Và Nỗ D về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Và Nỗ D đã khai nhận hành vi của mình với các tình tiết như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Và Nỗ D phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm o, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Và Nỗ D mức án từ 13 (Mười ba) đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 26 (Hai mươi sáu) đến 30

(Ba mươi) tháng, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận về các hành vi đó, mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định đó. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi vi phạm của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố nên đủ cơ sở để kết luận: Vào đầu tháng 12/2019 Và Nở D đã mua của một người đàn ông không quen biết 2 kg thuốc nổ đen (thuộc nhóm vật liệu nổ) sau đó đem về nhà cất dấu tại bản M2, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 8 giờ, ngày 25/12/2019 trong lúc Và Nở D đang bán 2 kg thuốc nổ đen cho một thanh niên không rõ lai lịch thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy, các hành vi trên đây của bị cáo Và Nở D đã phạm vào tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 điều 305 Bộ luật hình sự quy định: "*1. Người nào tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ thì bị phạt tù từ 01 đến 05 năm*".

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với vật liệu nổ, đe dọa đến trật tự, an toàn công cộng. Khi phạm tội bị cáo cũng nhận thức vật liệu nổ là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nhưng vì háms lợi, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật để tàng trữ, mua bán trái phép, hành vi đó đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Để có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung, cần tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đã trên 70 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, là người đã già yếu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, vì vậy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[5] Hình phạt bổ sung: Thấy rằng bị cáo đã già yếu, thu nhập không ổn định, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, lợi nhuận từ việc mua bán vật liệu nổ là không lớn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng đã bán 2 kg thuốc nổ đen cho Và Nổ D và người thanh niên đã mua vật liệu nổ của Và Nổ D, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên chưa có căn cứ để xem xét, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ được xử lý.

[7] Đối với hành vi mà Và Nổ D tàng trữ 0,94 kg lưu huỳnh, 4 kg Kalinitrat (KN03), theo kết quả giám định thì đây là nguyên liệu thường được dùng để sản xuất thuốc nổ, thuốc pháo, thuốc nổ đen, không thuộc nhóm vật liệu nổ nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[8] Vật chứng vụ án: Số vật chứng còn lại gồm 1,98 kg thuốc nổ đen, 3,95 kg Kalinitrat (KNO₃), là vật Nhà nước quản lý cấm tàng trữ, lưu hành, có giá trị không lớn nên cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với 0,92 kg lưu huỳnh (S) và 01 chiếc cân bằng sắt là vật có giá trị sử dụng không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với số tiền do phạm tội mà có: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo và người thanh niên lạ mặt đang giao dịch mua bán vật liệu nổ thì bị phát hiện và bắt quả tang, bị cáo chưa nhận được tiền từ người mua nên không có cơ sở để truy thu.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305, các điểm o, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Và Nổ D phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Và Nổ D 13 (Mười ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (Hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2020).

Giao bị cáo Và Nổ D cho Ủy ban nhân dân xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An

giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy 1,98 kg thuốc nổ đen, 3,95 kg Kalinitrat (KNO₃). Vật chứng đang do Kho K70 - Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An bảo quản theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/02/2020.

- Tịch thu để tiêu hủy 0,92 kg lưu huỳnh (S) và 01 chiếc cân bằng sắt. Vật chứng được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phối hợp với cơ sở đang bảo quản vật chứng để tổ chức tiêu hủy các vật chứng trên.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Và Nổ D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên bố, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Công an huyện Kỳ Sơn (Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự);
- UBND xã ML, huyện KS;
- Chi cục THA dân sự huyện Kỳ Sơn;
- Kho K70 - Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã

xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)